

Bản án số: 313/2025/HC-PT

Ngày: 31/12/2025

V/v: “Khiếu kiện các Quyết định
hành chính trong lĩnh vực đất đai”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực;
Ông Phạm Văn Lợi.

- **Thư ký Tòa án:** Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký Toà án.

- **Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội:** Bà Phan Diệu Nhân, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2025/TLPT-HC ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai” do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6783/2025/QĐPT-HC ngày 16 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Minh A, sinh năm 1966, địa chỉ trước đây: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã K, tỉnh Thái Nguyên); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Minh A: Ông Hoàng Văn V, sinh năm 1974; Địa chỉ: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã K, tỉnh Thái Nguyên); có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Ngô Viết T; Công ty L2; có mặt

* **Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt

2. Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Thái Nguyên (*người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên*); vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đắc V1 - Chức vụ: Chủ tịch

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970;
2. Chị Nguyễn Thị Hồng T2, sinh năm 1993;
3. Anh Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ trước đây: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã K, tỉnh Thái Nguyên); đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện người khởi kiện, tại tòa án, người khởi kiện trình bày:

Gia đình sử dụng đất từ năm 1982, đã có sổ thuế của 04 thửa đất được UBND xã xác nhận, tuy nhiên chưa nhận được giấy chứng nhận QSD đất. Các thửa đất đầu thầu, gia đình nộp tiền cho xóm tại vị trí khu vực thùng đầu đồng Tranh xóm V, xã T là 20.000đ/m² và có Giấy tạm giao đất.

Thực hiện thủ tục đăng ký, kê khai cấp GCNQSDĐ, ông Nguyễn Minh A đã kê khai, xin đăng ký cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 2867, tờ bản đồ số 13, diện tích 1028 m², đất trồng lúa nước còn lại, có nguồn gốc do HTX giao sử dụng từ năm 1990, được UBND xã T xác nhận.

UBND xã T, có Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 15/10/2013 về việc đề nghị cấp GCNQSDĐ lần đầu cho 18 hộ sử dụng đất tại xã T, huyện P, có Danh sách kèm theo, có hộ ông Nguyễn Minh A. Phòng TN&MT huyện P, Tờ trình số 482/TTr-UBND ngày 21/11/2013 về việc đề nghị cấp GCNQSDĐ lần đầu cho 18 hộ gia đình và cá nhân có Danh sách kèm theo, có hộ ông Nguyễn Minh A. Căn cứ vào đề nghị trên, UBND huyện P có Quyết định số 5405/QĐ-UBND ngày 03/12/2013 về việc cấp GCNQSDĐ cho 18 hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã T -có danh sách kèm theo, có hộ gia đình ông Nguyễn Minh A. UBND huyện P cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang số sê ri BP 781535, số vào sổ cấp 02578/QSDĐ ngày 03/12/2013, tại thửa đất số 2867, tờ bản đồ số 13, diện tích 1028m², đất trồng lúa nước còn lại, mang hộ ông Nguyễn Minh A, địa chỉ xã T, huyện P.

Sau khi được cấp GCNQSDĐ gia đình ông A vẫn quản lý, sử dụng, nhưng đến ngày 04/11/2022 thì gia đình nhận được Thông báo số 134/TB-UBND ngày 04/11/2022 của UBND huyện P về việc thu hồi GCNQSDĐ mang số sê ri BP 781535, số vào sổ cấp 02578/QSDĐ ngày 03/12/2013, mang hộ ông Nguyễn Minh A, địa chỉ xã T, huyện P, lý do cấp không đúng quy định.

Không đồng ý với việc thông báo thu hồi, ngày 13/11/2022 gia đình ông A cùng 11 gia đình khác đã có đơn Kiến nghị đến UBND huyện P, có nội dung khiếu nại Thông báo thu hồi GCNQSDĐ, cụ thể: “*Nguồn gốc sử dụng đất căn cứ vào biên bản họp xóm ngày 25/5/2006. Trong biên bản thể hiện dân đã thống nhất về phương án mà ông T4 xóm trình bày trước hội nghị là đấu thầu đất thung đấu để nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho các hộ trúng thầu được chuyển đổi 300 m² thổ cư theo quy định của nhà nước, nếu mà không cấp GCNQSDĐ cho chúng tôi, thì trách nhiệm thuộc về ai, phải bồi thường thiệt hại*”.

Nội dung đơn Kiến nghị được UBND huyện P giải quyết tại Văn bản số 203/UBND-TNMT ngày 20/02/2023, không chấp nhận với nội dung 12 hộ dân khiếu nại.

Ngày 08/12/2022 UBND huyện P có Quyết định thu hồi giấy chứng nhận QSD đất.

Không đồng ý với nội dung quyết định, ông A cùng 18 hộ dân có đơn đề nghị giải quyết. Ngày 02/3/2023 công dân gồm ông, bà: Đào Đức N; Hoàng Văn D; Hoàng Văn H; Đoàn Thị Đ đại diện cho 19 hộ dân có quyết định thu hồi GCNQSDĐ đến trụ sở tiếp công dân huyện P phản ánh, kiến nghị nội dung: Không đồng ý với quyết định thu hồi GCNQSDĐ của UBND huyện P. Được Chủ tịch UBND huyện P trực tiếp giải quyết, đã có kết luận, trả lời trực tiếp: “*Việc UBND huyện P quyết định thu hồi GCNQSDĐ của 19 hộ dân xóm Vàng là đúng quy định của pháp luật, lý do GCNQSDĐ cấp không đúng nguồn gốc sử dụng đất. Theo hồ sơ cấp GCNQSDĐ nguồn gốc do HTX chia cho từ năm 1990 đến năm 1993 là không đúng với nguồn gốc sử dụng, thực tế là do các hộ nhận khoán thầu của xóm V, xã T từ năm 2006, có thời hạn là 20 năm*”.

Không đồng ý với Quyết định thu hồi GCNQSDĐ, gia đình ông A không giao nộp GCNQSDĐ theo quyết định.

UBND huyện P ban hành Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 về việc huỷ GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số sổ sê ri BP 781535, sổ vào sổ cấp 02578/QSDĐ ngày 03/12/2013, mang hộ ông Nguyễn Minh A, địa chỉ xã T, huyện P.

Ngày 12/01/2024 có 07 hộ dân xóm Vàng, gồm: Ông Đào Đức N; Hoàng Văn D; Hoàng Văn H; Đào Quang L; Bà Đoàn Thị Đ; Bà Vũ Thị M (*không có ông Nguyễn Minh A*) có đơn khiếu nại về hành vi hành chính của UBND huyện P, về nội dung: “*Tuyến đường Vành đai V đi qua khu thung đấu, Đ xóm V xã T, tuyến đường này đã ảnh hưởng đến 09 hộ dân chúng tôi đang sử dụng ổn định, năm 2013 được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ, khi nhà nước thu hồi thực hiện dự án, nhưng không được kiểm đếm, không được bồi thường, hỗ trợ khi có đường vành đai V đi qua theo quy định*”.

UBND huyện P có Văn bản số 680/UBND-TNMT ngày 29/3/2024 về việc giải quyết đơn khiếu nại của công dân, có nội dung không chấp nhận với nội dung khiếu nại của 07 hộ dân.

Ngày 07/3/2024 Toà án tiếp nhận được đơn khởi kiện vụ án hành chính của ông Nguyễn Minh A yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên:

+ Tuyên hủy Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP781535 do UBND huyện P cấp ngày 03/12/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Minh A, xã T, huyện P

+ Tuyên hủy Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP781535 do UBND huyện P cấp ngày 03/12/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Minh A, trú tại xã T, huyện P.

+ Tuyên hủy công văn số 203/UBND -TNMT ngày 20/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc trả lời đơn đề nghị của công dân

+ Tuyên hủy công văn số 680/UBND-TNMT ngày 29/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc trả lời đơn đề nghị của công dân

+ Buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất, thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất theo đúng quy định của luật đất đai.

+ Buộc Ủy ban nhân dân huyện P khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp cho gia đình đã bị xâm phạm do quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên trái luật Luật gây ra.

Người bị kiện U có ý kiến tại Văn bản số 581/UBND-VP ngày 04/3/2025 như sau:

Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Khoản 26 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP, ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và các văn bản chính sách pháp luật đất đai hiện hành xác định GCNQSD đất của 19 hộ gia đình đã cấp không đúng quy định pháp luật.

Căn cứ nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định: Từ năm 2006 Ban quản lý xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, đã giao khoán thầu đất nông nghiệp cho 19 hộ dân, thời hạn 20 năm có thu tiền tại khu vực xứ đồng Tranh, đồng Trong, đồng công L1, sau đó tiếp tục ra hạn khoán thầu thêm 7 năm từ năm 2026 đến năm 2033 là chưa đúng theo quy định pháp luật đất đai và văn bản hướng dẫn thi hành. UBND xã T thời

điểm năm 2013 đã lập hồ sơ đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 19 hộ dân, trong đó có hộ gia đình ông A, theo hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ đất xin cấp có nguồn gốc sử dụng đất là HTX giao từ năm 1990 là không đúng với nguồn gốc, thực tế là các hộ nhận khoán thầu của xóm V2 từ năm 2006, thời hạn 20 năm. Việc UBND huyện ban hành các Quyết định thu hồi, Quyết định hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với 19 hộ gia đình trên là đầy đủ căn cứ, thực hiện theo đúng trình tự quy định pháp luật.

Tại Báo cáo số 83/BC-UBND ngày 19/9/2022 của UBND xã T, về kết quả kiểm tra, rà soát các nội dung đơn kiến nghị của 19 CD xóm Vàng, xã T, xác định: GCNQSDĐ do UBND huyện P cấp cho 19 hộ dân trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Minh A được cấp QSDĐ tại thửa đất số 2867, tờ bản đồ số 13, diện tích 1028m², đất trồng lúa nước còn lại, mang hộ ông Nguyễn Minh A, địa chỉ xã T, huyện P. Cụ thể nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình ông Minh A do nhận khoán thầu của xóm V xã T thời hạn 20 năm từ năm 2006, nhưng hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ lại ghi do HTX giao từ năm 1990.

Sau khi ban hành các quyết định, văn bản UBND huyện P đã gửi tới các hộ dân qua hình thức gửi bưu điện, giao cho UBND xã T có nhiệm vụ giao quyết định, văn bản đến từng hộ. Hiện nay đất các hộ dân vẫn đang quản lý sử dụng các thửa đất và chưa bị thu hồi đất.

Quan điểm nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Minh A là không có cơ sở, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử không chấp nhận nội dung khởi kiện của gia đình ông Nguyễn Minh A.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía ông A: Đều nhất trí với ý kiến và yêu cầu khởi kiện do ông A đã trình bày, không có ý kiến khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của ông Minh A rút yêu cầu khởi kiện, v/v yêu cầu hủy công văn số 680/UBND-TNMT ngày 29/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc trả lời đơn đề nghị của công dân.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025, Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116; khoản 2 Điều 157, khoản 2, 3 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 2, Khoản 3 Điều 37 Luật đất đai năm 2003; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 41 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 105, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; khoản 4, khoản 7 Điều 87 nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 26 Điều 1 Nghị định

148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh A về việc:

- Tuyên hủy Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số sê ri BP781535 do UBND huyện P cấp ngày 03/12/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Minh A, xã T, huyện P.

- Tuyên hủy Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc hủy GNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP781535 do UBND huyện P cấp ngày 03/12/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Minh A, trú tại xã T, huyện P.

- Tuyên hủy Công văn số 203/UBND -TNMT ngày 20/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc trả lời đơn đề nghị của công dân.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất, thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất theo đúng quy định của luật đất đai.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp cho gia đình đã bị xâm phạm do quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên trái luật Luật gây ra.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn Minh A, về việc yêu cầu hủy công văn số 680/UBND-TNMT ngày 29/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc trả lời đơn đề nghị của công dân.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn giải thích về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/6/2025, người khởi kiện ông Nguyễn Minh A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của ông Minh A, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, trình bày: Một, Bản án vi phạm nghiêm trọng tố tụng, không đưa UBND xã T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có bản trình bày của UBND xã T về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hai, không triệu tập Phòng T5; ba, không chấp nhận tài liệu chứng cứ hợp pháp

của các hộ dân như tờ trình cấp giấy chứng nhận; bốn, khi giao nộp, sao chụp hồ sơ liên quan biên bản đầu khoán, biên bản họp không có chữ ký ông Minh A mà cho rằng ông Minh A thầu khoán là không đúng, toàn bộ là bản photo, không có bản gốc là vi phạm Điều 81, 82 Luật tổ tụng hành chính; tại điều 41 nghị định 81/2004 quy định về việc cấp giấy chứng nhận và nhận định là đất công ích tuy nhiên quy định tại nghị định 81 đã bị bãi bỏ từ năm 2009 nhưng Tòa án lại áp dụng vào thời điểm 2013, 2014 là không phù hợp; năm, về trình tự, thủ tục có sai phạm, trích lục thửa đất của hộ ông Minh A đã có từ trước, Tòa sơ thẩm có sự mâu thuẫn trong nhận định, UBND huyện không thực hiện thanh tra, kiểm tra theo quy định trước khi thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sáu, các Quyết định ban hành và hủy điều do Phó Chủ tịch ký, không phải Chủ tịch, không có căn cứ phân công, phân quyền, ủy quyền; bảy, quyết định thu hồi và hủy đúng quy định và không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là có mâu thuẫn với phần nhận định do có Quyết định 1968 bổ sung. Tài liệu chứng cứ vụ án không cung cấp tài liệu chứng cứ nào cho bên quản lý xóm; tám, việc thu hồi không ảnh hưởng là không có căn cứ. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến của đương sự có mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh A; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 28/05/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Minh A trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2]. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 105; khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; Nghị định 148/2020/NĐ-CP; Điều 3; Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm đ khoản 3 Điều 191, điểm b khoản 2 Điều 193 điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[1.3]. Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2, Điều 157; khoản 2, 3 Điều 158; Điều 225 của Luật tổ tụng hành chính, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử vắng mặt họ.

[2]. Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Minh A, Hội đồng xét xử, thấy:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính:

Về hình thức: Các Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số sê ri BP781535 do UBND huyện P cấp ngày 03/12/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Minh A, xã T, huyện P. Quyết định 1968/QĐ-UB ngày 31/5/2024 v/v bổ sung nội dung các quyết định đã ban hành của UBND huyện P. Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc hủy GNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP781535 do UBND huyện P cấp ngày 03/12/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Minh A, trú tại xã T, huyện P. Quyết định 1968/QĐ-UB ngày 31/5/2024 v/v bổ sung nội dung các quyết định đã ban hành của UBND huyện P số 203/UBND -TNMT ngày 20/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc trả lời đơn đề nghị của công dân. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành các Quyết định đúng thể thức văn bản, đầy đủ nội dung về căn cứ ban hành quyết định, nội dung quyết định, quyền, nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan trong việc thi hành quyết định.

- Về căn cứ ban hành: Căn cứ báo cáo số 68/BC-UBND ngày 15/8/2022; Báo cáo số 83/BC-UBND ngày 19/9/2022 của UBND xã T, về việc kiểm tra, rà soát các nội dung đơn kiến nghị của 09 hộ công dân xóm V, xã T. Báo cáo số 77/BC-TNMT ngày 28/10/2022 của Phòng T5 – UBND huyện P. Thông báo số 134/TB-UBND ngày 04/11/2022 của UBND huyện P về việc thu hồi GCNQSDĐ mang số sê ri BP 781535, sổ vào sổ cấp 02578/QSDĐ ngày 03/12/2013, mang hộ ông Nguyễn Minh A, địa chỉ xã T, huyện P, lý do cấp không đúng quy định. Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số sê ri BP781535 do UBND huyện P cấp ngày 03/12/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Minh A, xã T, huyện P. Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc hủy GNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP781535 do UBND huyện P cấp ngày 03/12/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Minh A. Chủ tịch UBND huyện P, ban hành Văn bản số 203. Như vậy, việc ban hành của UBND và chủ tịch Ủy ban nhân huyện P thực hiện theo đúng thẩm quyền trình tự, thủ tục, thời hạn quy định Luật đất đai năm 2013.

[2.2]. Xét nội dung các Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P; Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc hủy GNQSDĐ; Công văn số 203/UBND -TNMT ngày 20/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P và các quyết định và các văn bản có liên quan, thấy:

Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Minh A:

Diện tích đất của hộ gia đình ông Nguyễn Minh A quản lý sử dụng tại thửa đất số 2867, tờ bản đồ số 13, diện tích 1028 m², đất trồng lúa nước còn lại, địa chỉ xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Nguồn gốc diện tích đất được hình thành khi đào sông, đào kênh để lấy đất đắp đê tạo thành các thung đào, thung đầu, do canh tác kém hiệu quả, tập thể xóm V quản lý, sử dụng từ những năm 1980 cho đến trước năm 1992 (*Năm 1992 HTX xóm Vàng không đưa diện tích này vào cân đối định xuất để giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng*). Năm 2005 xóm V đã khoán thầu cho 113 hộ dân sử dụng vào mục đích trồng lúa nộp sản phẩm bằng 15 kg thóc/ sào/ năm để gây quỹ nhằm phục vụ cho nhu cầu hoạt động của xóm. Năm 2006 đến trước năm 2013 BQL xóm Vàng tiếp tục khoán thầu cho 19 hộ dân xóm V, có thu tiền với thời hạn 20 năm từ năm 2006 đến năm 2026, với số tiền: 20.000 đ/ m² khu đồng Tranh; 10.000 đ/m² khu đồng Trong; 3.500 đ/m² khu đồng công Làng. Năm 2013 BQL xóm thống nhất gia hạn thời gian khoán thầu thêm 7 năm, từ năm 2026 đến năm 2033 đối với 19 hộ sử dụng đất. Ngày 12/7/2006 xóm V có giấy tạm giao đất tổ chức đấu thầu thuê đất cho ông Nguyễn Minh A. Tại báo cáo ngày 19/12/2018 của Ban quản lý xóm Vàng về các hộ dân nhận khoán thung đầu, thể hiện hộ ông Nguyễn Minh A, nhận khoán thửa đất số 2867, diện tích 1028 m², thời hạn sử dụng 20 năm, số tiền 20.520.000 đồng. thời hạn sử dụng 7 năm sau, số tiền 7.182.000 đồng, nộp cho Ban Q. Việc khoán thầu, tạm giao đất của BQL xóm V2 là vi phạm vào Khoản 2; Khoản 3; Điều 37 Luật đất đai năm 2003.

Căn cứ vào Báo cáo số 77/BC-TNMT ngày 28/10/2022 của Phòng T5 - UBND huyện P, xác định: Hồ sơ xin đăng ký đề nghị cấp GCNQSDĐ của 19 hộ bị thu hồi GCNQSDĐ, đều thể hiện nguồn gốc xin đăng ký cấp GCNQSDĐ đều do HTX giao từ năm 1990, trong đó có hộ ông Nguyễn Minh A kê khai, xin đăng ký cấp GCNQSDĐ tại Thửa đất số 2867, tờ bản đồ số 13, diện tích 1028 m², MĐSD: LUK, sử dụng từ thời điểm: 1990; Nguồn gốc do HTX giao năm 1990. Là không đúng với nguồn gốc sử dụng đất thực tế. Diện tích đất trên là đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích do Ủy ban nhân dân xã T quản lý chưa đưa vào sử dụng. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện P qua rà soát, phát hiện và đã ban hành Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 về việc thu hồi giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số BP781535 đã cấp cho hộ ông Nguyễn Minh A; Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của hộ ông A là đúng quy định của pháp luật về đất đai. Ông Nguyễn Minh A khởi kiện đề nghị hủy các Quyết định, công văn của Ủy ban nhân dân huyện P, bao gồm: Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP781535 đã cấp cho hộ ông Nguyễn Minh A; Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của hộ ông A; Công văn số 203/UBND-TNMT ngày 20/02/202 và Công văn số 680/UBND-TNMT ngày 29/3/2024 đều về việc trả lời đơn đề nghị của công dân và các Quyết định và văn bản có liên quan là không có căn cứ.

Đồng thời ông A đề nghị buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất và thực hiện phương án, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất; khôi phục quyền lợi ích cho gia đình ông Nguyễn Minh A là không có căn cứ. Do đây không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất, lý do thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cấp sai, không đúng nguồn gốc sử dụng, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện như quyết định của Bản án sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện không cung cấp thêm chứng cứ mới, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh A.

[2.3] Quan điểm của Viện công tố và kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.4] Về án phí: Do kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Minh A.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm ông Minh A đã nộp tại Biên lai thu tiền

số 0000305 ngày 17/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên
(Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên)

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VCTVKSXXPT tại Hà Nội;
- TAND Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà